

**UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MN HOA LAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 103/QĐ-MNHL

Gò Vấp, ngày 08 tháng 07 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quý 2 năm 2024 của
Trường Mầm non Hoa Lan**

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT – BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ vào kết quả tình hình thực hiện dự toán quý 2 năm 2024 của Trường Mầm non Hoa Lan;
- Xét đề nghị của kế toán trường Mầm non Hoa Lan,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quý 2 năm 2024 của Trường Mầm non Hoa Lan (theo các biểu đính kèm).
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Bộ phận tài chính trường Mầm non Hoa Lan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG

Mai Diễm Trang

Gò Vấp, ngày 08 tháng 7 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Mầm non Hoa Lan công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2/2024 như sau:

ĐV tính: đồng					
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu học phí	672.840.000	213.200.000	32%	56%
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại	672.840.000	209.278.593	31%	55%
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy	10.891.355.000	2.246.489.122		
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
a)	Kinh phí giao tự chủ (nguồn 13)	4.119.523.000	916.330.606	22%	100%
b)	Kinh phí giao tự chủ (nguồn 14)	731.654.000	168.480.562	23%	97%
c)	Kinh phí giao không tự chủ (nguồn 12)	2.452.215.000	461.586.922	19%	86%
d)	Kinh phí giao không tự chủ (nguồn 14)	3.587.963.000	700.091.032	20%	150%
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Gò Vấp, Ngày 08 tháng 7 năm 2024

Hiệu trưởng
TRƯỜNG
MẦM NON
HOA LAN
Mai Diễm Trang

BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 2 NĂM 2024

I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán năm 2024

	Nguồn 13 (chi TX giao tự chủ)	Nguồn 14 (chi TX giao tự chủ)	Nguồn 12 (chi TX không giao tự chủ)	Nguồn 14 (chi TX không giao tự chủ)	Tổng cộng
Tồn năm 2023 chuyển sang	77.102	0	0	379.154.052	379.231.154
Dự toán giao trong năm 2024	4.119.523.000	731.654.000	2.452.215.000	3.587.963.000	10.891.355.000
Dự toán đã sử dụng	1.876.497.727	342.349.009	796.238.973	700.091.032	3.715.176.741
+ Quý 1	960.167.121	173.868.447	334.652.051	0	1.468.687.619
+ Quý 2	916.330.606	168.480.562	461.586.922	700.091.032	2.246.489.122
+ Quý 3					0
+ Quý 4					0
Tồn cuối kỳ	2.243.102.375	389.304.991	1.655.976.027	3.267.026.020	7.555.409.413

II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:

1/ Chi thường xuyên (nguồn 13) :

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 2/2024	Lũy kế từ đầu năm
B	C	1	2
		916.330.606	1.876.497.727
6000	Tiền lương	453.258.000	922.488.800
6001	Lương theo ngạch, bậc	453.258.000	922.488.800
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	0	0
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		
6100	Phụ cấp lương	240.808.309	483.213.504
6101	Phụ cấp chức vụ	10.951.500	21.903.000
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	4.517.453	8.782.251
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	159.182.781	320.068.764
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	447.000	894.000
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	65.709.575	131.565.489
6200	Tiền thưởng	0	0
6201	Thưởng thường xuyên		
6300	Các khoản đóng góp	125.062.826	253.381.816
6301	Bảo hiểm xã hội	93.131.896	188.688.590
6302	Bảo hiểm y tế	15.965.465	32.346.609
6303	Kinh phí công đoàn	10.643.641	21.564.401
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	5.321.824	10.782.216
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	0	79.200.000
6449	Chi khác	-	79.200.000
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	50.486.561	58.719.630
6501	Tiền điện	49.406.561	57.639.630
6504	Tiền VSMT	1.080.000	1.080.000
6550	Vật tư văn phòng	12.100.200	12.100.200
6551	văn phòng phẩm	1.364.000	1.364.000
6552	Vật tư văn phòng	5.686.200	5.686.200
6599	Văn phòng khác	5.050.000	5.050.000
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	3.450.000	5.401.247
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	-	31.247



6605	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	2.400.000	4.320.000
6606	Tuyên truyền quảng cáo	1.050.000	1.050.000
6700	Công tác phí	4.200.000	10.500.000
6704	Khoản công tác phí	4.200.000	10.500.000
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	10.802.700	28.946.700
6907	Nhà cửa	2.702.700	20.846.700
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	7.788.000	7.788.000
6921	Đường điện cấp thoát nước	312.000	312.000
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	7.162.010	13.545.830
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	2.821.010	9.204.830
7004	Đồng phục, trang phục	1.020.000	1.020.000
7049	Chi khác	3.321.000	3.321.000
7050	Mu sấm tài sản vô hình	9.000.000	9.000.000
7053	Mua, bảo trì phần mềm CNTT	9.000.000	9.000.000

2/ Chi không thường xuyên (nguồn 12) :

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 2/2024	Lũy kế từ đầu năm
B	C	1	2
		461.586.922	796.238.973
6100	Phụ cấp lương	187.417.822	238.544.853
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	187.417.822	238.544.853
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	255.194.260	538.719.280
6449	Chi khác	255.194.260	538.719.280
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	31.760	31.760
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	31.760	31.760
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	223.080	223.080
6502	Tiền nước	223.080	223.080
6750	Chi phí thuê mướn	18.720.000	18.720.000
6757	Thuê lao động	18.720.000	18.720.000

3/Chi (nguồn 14) :

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 2/2024	Lũy kế từ đầu năm
B	C	1	2
		868.571.594	1.042.440.041
6000	Tiền lương	94.302.000	191.927.200
6001	Lương theo ngạch, bậc	94.302.000	191.927.200
6100	Phụ cấp lương	48.801.219	98.347.208
6101	Phụ cấp chức vụ	2.278.500	4.557.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	32.758.564	66.231.487
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	93.000	186.000
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13.671.155	27.372.721
6300	Các khoản đóng góp	25.377.343	52.074.601
6301	Bảo hiểm xã hội	18.898.020	38.778.955
6302	Bảo hiểm y tế	3.239.663	6.647.821
6303	Kinh phí công đoàn	2.159.776	4.431.888
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	1.079.884	2.215.937
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	700.091.032	700.091.032

6449	Chi khác	700.091.032	700.091.032
------	----------	-------------	-------------

Người lập

[Signature]

Đào Thị Bình

Gò Vấp, ngày 16 tháng 7 năm 2024

[Signature]
Mai Diễm Trang

GÒ VẤP T. P. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG MẦM NON HOA LAN

